

**Đề 1:** *Có người nói: "Tuyên ngôn Độc lập là một văn kiện có giá trị lịch sử to lớn là một bài văn chính luận ngắn gọn, súc tích, lập luận chặt chẽ, danh thép, lời lẽ hùng hồn đầy sức thuyết phục".*

### HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU

Đây là đề phân tích và chứng minh. Nội dung cần chứng minh là:

- Giá trị lịch sử to lớn của bản tuyên ngôn.
- Giá trị văn học xuất sắc của thể văn chính luận.

Muốn làm tốt đề bài này, người làm phải bám sát các mệnh đề của câu nhận định.

Chú ý: Tuyên ngôn Độc lập là một tác phẩm chính luận nên cần nắm vững đặc trưng loại thể của tác phẩm khi phân tích và chứng minh, đặc biệt là các phương diện: bố cục, lập luận, lý lẽ, bằng chứng, ngôn từ...

#### \* Dàn bài sơ lược

**I. MỞ BÀI** - Giới thiệu tác giả và tác phẩm. - Đánh giá khái quát giá trị chủ yếu của tác phẩm, khẳng định sức chinh phục mạnh mẽ, lớn lao của bản Tuyên ngôn Độc lập là ở giá trị lịch sử to lớn và giá trị văn học xuất sắc.

**II. THÂN BÀI** - Tuyên ngôn Độc lập – một văn kiện mang giá trị lịch sử to lớn.

- \* Nêu thời gian và địa điểm ra đời của bản Tuyên ngôn.
- \* Sơ lược đôi nét về tình hình chính trị lúc bấy giờ.

*(Tình hình quốc tế và tình hình trong nước: âm mưu của thực dân Pháp và các cường quốc muốn tái chiếm Việt Nam, can thiệp sâu vào tình hình chính trị của Việt Nam).*

\* Tâm vóc và sứ mạng lịch sử của bản tuyên ngôn (chặn đứng mọi âm mưu chống phá thành quả Cách mạng tháng Tám, chấm dứt một nghìn năm chế độ phong kiến, 80 năm nô lệ thực dân pháp, mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do cho dân tộc).

- Tuyên ngôn Độc lập – một tác phẩm chính luận xuất sắc.

\* Bố cục: ngắn gọn, súc tích.

*(Là một thông điệp chính trị, tác phẩm nhắc tới những mục đích tức thời, quan trọng, ưu tiên cho hàm lượng thông tin, triệt để tạo ra tác dụng chiến đấu, loại bỏ những âm mưu trực tiếp, nguy hiểm của kẻ thù).*

\* Lập luận chặt chẽ, danh thép.

*(Viện dẫn hai bản tuyên ngôn của hai cường quốc Mĩ và Pháp đồng thời suy rộng ra về quyền độc lập dân tộc bên cạnh quyền con người và quyền công dân).*

Tố cáo sự chà đạp chân lý đó là thực dân Pháp ở Việt Nam, đặc biệt là sự lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái. Lên án sự phản bội trắng trợn, đê hèn, sự vong ơn bội nghĩa của chúng. Khẳng định quyền tự chủ chính đáng của nhân dân Việt Nam.

\* Lý lẽ sắc bén hùng hồn. *(Sức mạnh của lí lẽ chính là sự thật. Tác giả đã dùng hàng loạt thực tế lịch sử để chứng minh: Thực dân Pháp đã không "bảo hộ" được Việt Nam. Thực dân Pháp đã phản bội Việt Nam, thực dân Pháp đã gieo rắc nhiều tội ác đối với nhân dân Việt Nam).*

Dùng thực tế để đánh tan những mơ hồ về chính trị.

Dùng thực tế để khẳng định công lao của Việt Minh – kẻ đại diện duy nhất của nhân dân Việt Nam.

Sự độc lập của Việt Nam phù hợp với lẽ phải, công lí và đạo lí.

\* Ngôn ngữ chính xác, giàu sắc thái biểu cảm. (*Từ ngữ hết sức chọn lọc, súc tích*).

Dùng hàng loạt động từ, tính từ, quán từ ... chính xác, giàu sắc thái biểu cảm.

Cần chú ý thêm cách sử dụng hàng loạt điệp từ, điệp ngữ (có tính khẳng định và nhấn mạnh).

III. KẾT BÀI - Khẳng định lại nội dung nhận định.

- Đánh giá tầm vóc lịch sử và giá trị văn học để có thể xem Tuyên ngôn Độc lập là một áng văn bất hủ.

#### **\* Gợi ý làm bài**

Vào những thời điểm chuyển mình của lịch sử một dân tộc thường xuất hiện những áng văn bất hủ, đánh dấu cho một thời đại. Không phải ngẫu nhiên người ta hay nhắc đến những tuyên ngôn nổi tiếng thế giới như Tuyên ngôn Độc lập của người Mĩ năm 1776, tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791. Lịch sử dân tộc ta cũng có những bản tuyên ngôn như vậy. Đó là Bình ngô đại cáo của Nguyễn Trãi vào thế kỉ XV và tuyên ngôn Độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo và đọc ngày 2/9/1945 tại quảng trường Ba Đình lịch sử.

Tuyên ngôn Độc lập của Hồ Chí Minh từ lâu vẫn được coi là “*một văn kiện có giá trị lịch sử to lớn, một bài văn chính luận ngắn gọn, súc tích, lập luận chặt chẽ, danh thép, lời lẽ hùng hồn, đầy sức thuyết phục*”. Có thể nói bản Tuyên ngôn là kết tinh trí tuệ của thời đại, là kết quả cao của “*bao nhiêu hy vọng, gắng sức và tin tưởng*” của hơn hai mươi triệu nhân dân Việt Nam.

Ngày 26 tháng 8 năm 1945, chủ tịch Hồ Chí Minh từ Việt Bắc về tới Hà nội. Tại căn nhà số 48 phố Hàng Ngang, Người soạn thảo bản Tuyên ngôn và sau đó, Người thay mặt Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà đọc bản Tuyên ngôn Độc lập trước 50 vạn đồng bào.

Sự kiện trọng đại ấy đã để lại dấu ấn sâu sắc vào lịch sử như một mốc son chói lọi. Nhưng ta sẽ không hiểu hết tầm vóc và ý nghĩa của tác phẩm nếu không trở lại với không khí chính trị căng thẳng, nghiêm trọng cách đây hơn nửa thế kỉ.

Cho đến đầu mùa thu năm 1945, tình hình quốc tế có nhiều biến chuyển thật mau lẹ. Cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai đang đi vào những ngày cuối. Sự cáo chung của phe Phát xít và sự thắng trận của quân Đồng minh sẽ là kết cục không thể đảo ngược. Chớp lấy thời cơ đó, nhân dân ta, dưới sự tổ chức và chỉ đạo của Việt Minh đã vùng lên cướp lấy chính quyền. Chỉ trong vòng một tuần lễ “*Sao vàng năm cánh*” không còn là “*mộng*” nữa mà đã tung bay trên khắp ba miền. Nhưng cũng chính lúc này, nhiều đế quốc bắt đầu nhòm ngó Đông Dương và không dấu giếm ý đồ thôn tính nước ta. Hội nghị Potsdam tháng 7/1945 đã quyết định quân Anh vào giải giáp quân Nhật từ vĩ tuyến 16 trở ra. Chính phủ do tướng De Gaulle đại diện tuyên bố: sẽ tổ chức “*Liên bang Đông Dương*” thành năm nước! Không thể chần chừ, Việt Nam cần phải tuyên bố độc lập!

Bản Tuyên ngôn vì thế đã đóng vai trò hoàn tất một sứ mệnh lịch sử. Không còn nghi ngờ gì nữa, sự ra đời đúng lúc của bản Tuyên ngôn Độc lập đã chặn đứng âm mưu tái chiếm Việt Nam của thực dân Pháp, chống lại ý đồ can thiệp vào Việt Nam của đế quốc

khác, mở đầu cho làn sóng giải phóng thuộc địa ở Châu Á, khẳng định chủ quyền và nâng cao giá trị của dân tộc ta trên trường quốc tế.

Bản Tuyên ngôn cũng đã chính thức chấm dứt 80 năm đô hộ của Thực dân Pháp, 5 năm cướp bóc, giày xéo của Phát xít Nhật và nghìn năm chế độ phong kiến. Với ý nghĩa như vậy, bản Tuyên ngôn Độc lập đã thật sự khai sinh ra một nước Việt Nam mới, mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do cho dân tộc ta.

Bên cạnh những giá trị lịch sử to lớn đã nói trên, bản Tuyên ngôn còn là một bài văn chính luận tiêu biểu xuất sắc. Nó được viết trong cơn trở dạ của lịch sử để tạo ra bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam, đồng thời nó cũng là kết quả của niềm khao khát tự do, độc lập cháy bỏng của dân tộc Việt nam đã tích tụ hàng ngàn năm. Bởi vậy, người đọc luôn luôn bị sự chinh phục lớn lao, mạnh mẽ của một áng hùng văn được kết tinh bởi trí tuệ và tâm huyết Hồ Chí Minh – Người con ưu tú của dân tộc – và bởi tự thân tác phẩm – tiếng nói chân lí của thời đại.

Mọi chân lí đều hết sức giản dị. Đây cũng là phẩm chất tiêu biểu tạo nên vẻ đẹp đầu tiên của bản Tuyên ngôn Độc lập. Ít có tác phẩm chính luận nào trong văn học xưa nay lại có bố cục ngắn gọn, súc tích như vậy.

Trước hết, là một thông điệp chính trị, bản Tuyên ngôn hướng tới những mục đích nhất thời, quan trọng có tính cấp thiết, bức bách, nước sôi, lửa bỏng. Trong một tình thế như vậy, sự ngắn gọn, mạch lạc sẽ tạo nên hiệu quả thông tin nhanh chóng và triệt để. Tất nhiên, không phải sự ngắn gọn nào cũng tạo nên tính chất súc tích, cô đọng và không phải sự cô đọng nào cũng hàm chứa sức mạnh. Bản tuyên ngôn dường như chỉ xoay sâu vào hai vấn đề lớn. Thứ nhất: phủ nhận hoàn toàn quyền dính líu tới Việt Nam của thực dân Pháp. Thứ hai: khẳng định quyền độc lập và quyết tâm sắt đá bảo vệ quyền độc lập đó.

Vì những mục tiêu này, các ý tưởng, các kiểu câu đều tuân theo nguyên tắc mạch lạc, ngắn gọn, sáng sủa.

Như đã nói ở trên, văn kiện lịch sử này không chỉ đọc trước quốc dân, đồng bào mà còn trước thế giới. Đây còn là thái độ của chúng ta trước kẻ thù. Cho nên, bản Tuyên ngôn Độc lập đã mở đầu bằng việc dẫn hai bản Tuyên ngôn nổi tiếng của hai cường quốc Pháp và Mĩ, từ đó suy rộng ra về quyền độc lập dân tộc (bên cạnh quyền con người và quyền công dân) như một lẽ phải không ai chối cãi được. Vậy mà, hơn 80 năm, thực dân Pháp đã bất chấp lẽ phải ấy; chúng lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái để nô dịch nhân dân ta. Hành động của chúng là sự chà đạp lên chân lí, trái với đạo lí và chính nghĩa, đi ngược lại những lời tuyên ngôn mà cách mạng Pháp đã đề ra. Không chỉ tố cáo những tội ác của thực dân Pháp, tác giả bản Tuyên ngôn còn vạch trần bộ mặt phản bội của chúng, khẳng định một cách dứt khoát quyền tự do, độc lập chính đáng của dân tộc Việt Nam.

Tất cả những lí lẽ và bằng chứng đưa ra đều được cấu trúc trong một hệ thống lập luận chặt chẽ, danh thép nhằm chống lại những nguy thuyết thực dân, những mưu đồ xâm lược của các lực lượng đế quốc nhằm giữ vững chính quyền – vấn đề quan trọng nhất đối với vận mệnh dân tộc ta lúc bấy giờ.

Điều cần nói là, bản Tuyên ngôn đã không khởi đầu bằng việc nêu lên truyền thống chống ngoại xâm bảo vệ chủ quyền dân tộc từng chói ngời trong sử sách qua các triều đại Đinh, Lí, Trần, Lê ... mà xuất phát từ các nguyên tắc do chính các nước tư bản đã nêu ra và thừa nhận, đặc biệt là các nước thuộc phe Đồng minh. Rõ ràng trong lập luận, tác giả bản

Tuyên ngôn vừa chứng tỏ sự tôn trọng thành quả văn hoá của nhân loại, vừa là ngấm buộc các cường quốc phải tự ngấm lại mình mà thừa nhận quyền độc lập của dân tộc Việt Nam.

Để tố cáo thực dân Pháp, tác giả đã vạch năm tội ác về chính trị, bốn tội ác về kinh tế cùng hàng loạt sự phản bội đê hèn và trắng trợn vào những thời điểm cụ thể nên dù muốn chối cãi, chúng cũng không thể.

Để tránh những mơ hồ, những “*mập mờ đánh lộn con đen*” mà thực dân Pháp đã cố dựa vào như một nguy thuyết để rắp tâm quay trở lại thống trị nước ta, một lần nữa, tác giả đã vạch rõ: “*Mùa thu năm 1940, Phát xít nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng minh thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật.*”

(...) Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải của Pháp nữa.

(...) Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.

Với bút lực mạnh mẽ của một trí tuệ siêu việt, vì sự thấu hiểu tình hình chính trị một cách sâu sắc, bằng những chứng cứ đầy đủ và xác thực, bản Tuyên ngôn thực sự là bản cáo trạng đanh thép lên án mạnh mẽ tội ác của thực dân Pháp.

Tuy nhiên, sức mạnh chinh phục của bản Tuyên ngôn còn là ở sự chính xác và giàu sức biểu cảm của hệ thống ngôn từ. Chẳng hạn, sau khi viện dẫn hai bản tuyên ngôn, nhưng không dừng lại ở nội dung hai bản Tuyên ngôn đó mà suy rộng ra về quyền độc lập dân tộc. Tác giả khẳng định: “*Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được*”. Khi nói về tội ác của thực dân Pháp, tác giả viết: “*Chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.*”, “*Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của chúng ta trong những bể máu.*”, “*Chúng ràng buộc (...) chúng bóc lột (...) chúng cướp (...) chúng giữ độc quyền (...) chúng còn nhân tâm giết nốt số đông tù chính trị ...*”. Khi tuyên bố thoát li hẳn với thực dân Pháp, bản Tuyên ngôn có những từ vừa chính xác vừa chọn lọc: “*Xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã kí về (chứ không phải với) nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam*”. Ngoài ra, việc sử dụng hàng loạt điệp từ, điệp ngữ vừa tạo hiệu quả cao trong việc khẳng định các ý tưởng, vừa bảo đảm độ chính xác và sức mạnh cho lí lẽ vừa gợi xúc cảm nhằm tác động đến nhân tâm, thôi thúc người nghe nhận ra và thừa nhận chân lí.

Tất cả những điều đó đã khẳng định trình độ nghệ thuật xuất sắc của tác giả, đưa Tuyên ngôn Độc lập trở thành một mẫu mực của thể văn chính luận.

Đã hơn nửa thế kỉ trôi qua nhưng Tuyên ngôn Độc lập vẫn là một văn kiện có giá trị lịch sử to lớn đồng thời là một tác phẩm chính luận xuất sắc, mẫu mực. Tuyên ngôn Độc lập – mở đầu cho kỉ nguyên độc lập, tự do, tạo điều kiện cho mọi thay đổi căn bản của đời sống dân tộc, trong đó có văn học.

**Đề 2:** *Giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh đã đánh giá Tuyên ngôn Độc lập của Chủ tịch Hồ*

*Chí Minh như sau:*

*“Tài nghệ ở đây là dàn dựng được một lập luận chặt chẽ, đưa ra được những luận điểm, những bằng chứng không ai chối cãi được và đằng sau những lí lẽ ấy là một tâm tư tưởng, tâm văn hóa lớn, đã tổng kết được trong một văn bản ngắn gọn, trong sáng, khúc chiết kinh nghiệm của nhiều thế kỷ đấu tranh vì độc lập, tự do, vì nhân quyền của dân tộc và của nhân loại”.* (Giảng văn Văn học Việt Nam

*Tái bản lần thứ nhất – Nhà xuất bản giáo dục, 1997, trang 490)*

## Phân tích tác phẩm Tuyên ngôn độc lập để làm sáng tỏ ý trên.

**\* Yêu cầu**

Đề bài nghiên về nghệ thuật. Đây là đề tổng hợp các khía cạnh về nghệ thuật của Hồ Chí Minh được thể hiện trong tác phẩm Tuyên Ngôn Độc Lập. Các khía cạnh đó đã được nói rõ và cụ thể trong câu trích của đề bài. Vấn đề còn lại là qua văn bản của tác phẩm, tiến hành phân tích để làm sáng tỏ các khía cạnh nghệ thuật đó, làm nổi bật vẻ đẹp của tác phẩm.

Bài làm cần phân tích lần lượt từng khía cạnh nghệ thuật của Tuyên ngôn Độc lập với những dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; sau đó cần tiểu kết lại, nêu giá trị nghệ thuật chung đặc sắc của tác phẩm: đó là một bài văn chính luận hùng hồn, danh thép, đầy sức thuyết phục được xem như là mẫu mực của loại văn nghị luận. Nghệ thuật ấy đã chấp cánh cho nội dung tiến bộ, sâu sắc, tạo nên áng văn mở nước bất hủ của thời đại mới.

**\* Bài làm**

Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh là một cây bút nghệ thuật đa phong cách. Từ “*Truyện và ký Nguyễn Ái Quốc*”, người đọc thích thú tiếp cận với những áng văn xuôi Châu Âu hiện đại vừa sắc sảo, sáng tạo, vừa dí dỏm thông minh với chất trào phúng đầy trí tuệ của một cây bút truyện ngắn hiện đại bậc thầy. “*Nhật kí trong tù*” lại đi vào lòng người với những vần thơ hàm súc, thâm thúy, kết hợp nhuần nhuyễn chất cổ điển và hiện đại, bút pháp hiện thực nghiêm ngặt và lãng mạn bay bổng – những tác phẩm nếu đặt cạnh thi phẩm đời Đường, đời Tống ta cũng khó có thể phân biệt được. Nếu như đến với thơ ca kháng chiến, ngòi bút thi ca Hồ Chí Minh tươi tắn trong cảm xúc hồn nhiên, thì đọc “*Tuyên ngôn Độc lập*”, ta lại bắt gặp áng văn chính luận mẫu mực của dân tộc Việt Nam trong thời đại mới. Bản tuyên ngôn có sức lay động mạnh mẽ tâm hồn người nghe, người đọc bởi chính tài nghệ của Bác mà “*Tài nghệ ở đây là dàn dựng được một lập luận chặt chẽ, đưa ra được những luận điểm, những bằng chứng không ai chối cãi được. Và đằng sau những lí lẽ ấy là một tầm tư tưởng, tầm văn hóa lớn, đã tổng kết được trong một văn bản ngắn gọn, trong sáng, khúc chiết, kinh nghiệm của nhiều thế kỉ đấu tranh vì độc lập, tự do, vì nhân quyền, dân quyền của dân tộc và của nhân loại*”, đúng như giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh đã đánh giá. Tác phẩm không chỉ kết tinh tâm hồn Bác – điểm hội tụ những nét đẹp tinh túy của dân tộc, những tình cảm thiết tha và sâu lắng của thời đại; mà hơn hết, còn tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật Hồ Chí Minh nói chung, rất độc đáo và đặc sắc.

Ngược dòng thời gian, lật lại những trang sử vàng của dân tộc, ta như sống trong những âm vang náo nức của thời đại anh hùng. Soi mình vào tấm gương văn học trong sáng và trung thực vô ngần, lịch sử đời sống, tâm hồn con người hiện lên trong ta thật sống động. Và mấy ai có thể quên những ngày tháng Tám năm 1945 sôi nổi, hào hùng, xua tan màn đêm u ám, nặng nề của chế độ thực dân phong kiến, thổi vào cuộc đời mỗi kiếp lầm than làn gió hồi sinh nồng ấm. Khi đó, cả dân tộc Việt Nam, từ bùn lầy tăm tối của gông xiềng nô lệ đã “*Rũ bùn đứng lên sáng lòa*”, vươn lên làm chủ đất nước. Khi đó lịch sử cuộn chảy sang kỉ nguyên mới: kỉ nguyên độc lập, tự do. Nhưng dân tộc ta không bị ngủ trong men say và hào quang chiến thắng mà hơn lúc nào cần phải tỉnh táo nhận thấy tính mệnh “*ngàn cân treo sợi tóc*” của đất nước, bởi núp sau danh nghĩa Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật, bọn đế quốc, thực dân với âm mưu xâm chiếm nước ta một lần nữa, bởi những thế lực phản động

trong nước đang ngóc đầu dậy nhằm lật đổ chính quyền cách mạng còn non trẻ. Chính trong giờ khắc trọng đại ấy của lịch sử, “*Tuyên ngôn Độc lập*” ra đời, không chỉ là mệnh lệnh trái tim, là sự thôi thúc bên trong của tác giả mà quan trọng hơn, còn là tiếng nói của lịch sử, đáp ứng yêu cầu đặt nền móng pháp lý vững chắc đầu tiên xây dựng nước Việt Nam độc lập muôn đời.

Đối tượng bản tuyên ngôn hướng tới là ai? Trên quảng trường Ba Đình rực nắng, giữa lồng lộng trời thu xanh cao buổi ấy, giọng của Bác “*ấm từng tiếng, thấm vào lòng mong ước*” (Tố Hữu): “*Hỡi đồng bào cả nước*” – hai tiếng “*đồng bào*” giản dị mà rưng rưng một niềm cảm động, yêu thương. Nhân dân là những người viết lên trang sử, những chủ nhân đất nước, nên lẽ tự nhiên, đó là đối tượng đầu tiên Bác hướng tới. Chưa hết! Thay mặt nhân dân Việt Nam, Bác còn viết cho nhân dân thế giới, cho công luận quốc tế: “*Chúng tôi ... trịnh trọng tuyên bố với thế giới rằng ...*” nhưng có lẽ sâu xa hơn và cũng là trước hết, đối tượng “*thế giới*” ở đây trùng với đế quốc mỹ, Anh, Pháp và bè lũ phản động Trung Hoa Quốc dân đảng – những kẻ đã tung ra dư luận thế giới những lí lẽ hùng hồn, những luận điệu xảo trá nhằm “*hợp thức hóa*” cuộc xâm lược nước ta. Bản tuyên ngôn, một mặt lật tẩy bản chất xấu xa đê hèn của chúng, mặt khác đập tan những luận điệu, bác bỏ những lí lẽ của chúng bằng một hệ thống lập luận chặt chẽ, đưa ra được những luận điểm, những bằng chứng không ai chối cãi được: Vừa thuyết phục về khoa học, lí trí, vừa lay động sâu xa ý thức, tâm hồn người nghe, người đọc, thể văn chính luận trở thành vũ khí sắc bén và lợi hại vô cùng trong cuộc luận chiến với kẻ thù, kết tinh đỉnh cao tài năng của một ngòi bút sắc sảo, trí tuệ; và ẩn đằng sau đó, lung linh tỏa sáng “*Một tâm tư tưởng, tâm văn hoá lớn*” của con người đại diện mẫu mực cho tâm vóc lịch sử, cho sức mạnh trí tuệ của con người Việt Nam, của thời đại anh hùng.

“*Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tao hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do, và quyền mưu cầu hạnh phúc*”.

... “*Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn tự do và bình đẳng về quyền lợi*”.

Bản “*Tuyên ngôn Độc lập*” của Hồ Chí Minh mở ra bằng những câu văn trích trong hai văn kiện lập quốc: “*Tuyên ngôn Độc lập*” năm 1776 của Mĩ và “*Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền*” của cách mạng Pháp 1791. Những lời bất hủ ấy về quyền sống bình đẳng, sống tự do, sống hạnh phúc, không ai không thể công nhận bởi nó đã được thực tế lịch sử chứng minh, đã trải nghiệm xương máu qua hai cuộc cách mạng dân tộc dân chủ điển hình của nhân loại. Bác không khẳng định quyền độc lập tự do của dân tộc “*rành rành định phận tại sách trời*” (Nam quốc sơn hà – Lý Thường Kiệt), mà chỉ với việc trích dẫn những tuyên ngôn làm rạn danh truyền thống đấu tranh và văn hóa nước Mĩ, nước Pháp, những nguyên lí cách mạng có giá trị chân lí muôn đời, Bác đã “*bắn một mũi tên trúng được nhiều đích*”. Đế quốc Mĩ núp sau danh nghĩa Đồng minh vào nước ta để cướp nước ư? Thực dân Pháp muốn quay trở lại tiếp tục “*bảo hộ*” Đông Dương ư? Thì đây, ngay từ đầu âm mưu của chúng đã bị chặn đứng lại trước những lời răn dạy, cảnh tỉnh của chính tổ tiên, cha ông chúng. Với đôi mắt sáng suốt, nhìn xa trông rộng, Bác đã thấy kẻ thù cụ thể trước mắt sẽ xâm lược dân tộc ta là thực dân Pháp, đằng sau đó là đế quốc Mĩ nên mở đầu bản tuyên ngôn, Bác đã rung hồi chuông cảnh báo: nếu chúng xâm lược Việt Nam là đi ngược lại lời

cha ông chúng, là đưa “*thất hủ*”. Ý nghĩa sâu sắc và danh thép ấy ẩn dưới cách nói khéo léo, tỏ ra tôn cao, tôn trọng những danh ngôn bất hủ của người Pháp, người Mĩ, nhưng thật chất thể hiện sự mềm dẻo của sách lược, thất bụng chúng như “*lạt mềm buộc chặt*”. Thật thú vị và cũng thích đáng biết bao với cú đòn “*lấy gậy ông đập lưng ông*” của Bác. Với phương pháp suy lí diễn dịch, câu nói “*đó là những lẽ phải không ai chối cãi được*” chốt lại đỉnh ninh danh thép, khẳng định lập trường chính nghĩa và đặt cơ sở pháp lí vững chắc cho nền độc lập tự do của dân tộc Việt Nam. Đúng là đọc tuyên ngôn phải đọc giữa hai dòng chữ thì mới thấm thía những ý vị sâu xa, mở ra bao nhiêu liên tưởng, phong phú nén chặt trong từng câu, từng chữ hàm súc, chắc chắn “*như đinh đóng cột*”. Cảm quan cách mạng nhạy bén, trí tuệ sắc sảo của tư tưởng lớn Hồ Chí Minh kết đọng, tỏa sáng với lời văn của bản tuyên ngôn.

Trích dẫn văn kiện lập quốc của Mĩ và Pháp – hai bản tuyên ngôn nổi tiếng trong lịch sử nhân loại, bản tuyên ngôn của Bác đã nâng cao tầm vóc văn hóa của dân tộc Việt Nam, sánh ngang với ánh sáng văn minh thế giới, một dân tộc với bề dày truyền thống “*vốn xưng nền văn hóa đã lâu*”. Ta như gặp lại âm hưởng ngân vang, tự hào của áng “*thiên cổ hùng văn*” “*Bình Ngô đại cáo*” khi đặt nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ngang hàng với những nước lớn trên thế giới, cũng như cha ông ta xưa kia: “*Từ Triệu, Đinh, Lê, Trần bao đời gây nền độc lập – Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên, mỗi bên xưng đế một phương*”. Hơn nữa, cuộc cách mạng tháng tám năm 1945 cũng nâng lên tầm vóc thế giới, kết hợp vừa “*đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập*”, vừa “*đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hòa*” những nhiệm vụ cuộc cách mạng Mĩ 1776 và cách mạng Pháp 1791 đã giải quyết. Nổi lên trong nguồn mạch dạt dào của truyền thống tự hào dân tộc, bản tuyên ngôn gợi mỗi dây lịch sử hiện nay với quá khứ ngàn xưa, niềm tự hào dân tộc từ ngàn xưa như kết tinh lại trong thời điểm hiện đại, cùng âm vang tha thiết hào hùng. Tư tưởng Hồ chí minh đã vượt phạm vi trong nước nhỏ hẹp vươn đến tầm cao nhân loại, vượt thời gian, không gian hiện tại, bắt gặp và lắng đọng “*hồn thiêng sông núi*”.

Nét sáng tạo linh hoạt, mới mẻ của ngòi bút văn phong chính luận của Bác, không chỉ ở việc trích dẫn hai bản tuyên ngôn trên mà Bác còn mở rộng, phát triển lên tư tưởng mới “*... lời bất hủ ấy ở trong bản tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mĩ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: Tất cả các dân tộc trên thế giới sinh ra đều bình đẳng: dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do*”. Từ quyền con người Bác đã vận dụng thiết thực, sáng tạo vào quyền độc lập dân tộc. Câu nói không chỉ thức tỉnh trí tuệ Việt Nam mà trí tuệ nhân loại cũng như bừng tỉnh, hay nói như giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh, đó là “*phát súng lệnh khởi đầu cho bão táp cách mạng ở các nước thuộc địa sẽ làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân trên khắp thế giới vào nửa sau thế kỉ XX*”. Những lí lẽ sắc bén, chặt chẽ giàu sức thuyết phục thể hiện ngòi bút già dặn “*cao tay*” của một nhà tư tưởng, nhà văn hóa lớn có tầm vóc nhân loại, kết tinh trí tuệ tình cảm tha thiết và sâu lắng của thời đại, của con người.

Hệ thống lập luận của tuyên ngôn không chỉ chặt chẽ trong việc đặt cơ sở pháp lí của nền độc lập dân tộc mà còn rất toàn diện khi đưa ra cơ sở thực tế của Tuyên ngôn. Và có lẽ những “*bằng chứng sống*” của hiện thực lịch sử, những lí lẽ của sự thật có sức tác động trực tiếp và sức thuyết phục mạnh mẽ hơn cả đến tâm hồn người nghe, người đọc.

Kẻ thù trước mắt đang làm le quay trở lại xâm lược nước ta, đó là thực dân Pháp. Và đòn đánh trực diện đầu tiên của bản tuyên ngôn đó là đoạn văn tố cáo tội ác của chúng. Bắt đầu từ hai tiếng “*Thế mà ...*”, mạch văn chuyển rất tự nhiên, lay chuyển nhận thức con người từ những nguyên lí cao đẹp vừa nêu trong hai bản tuyên ngôn đến thực tế nước Việt Nam. Không nói gián tiếp kín đáo mà đến đây, ngòi bút sắc sảo của Bác như lưỡi dao sắc bén đi sâu vào bản chất thực dân Pháp, bóc trần danh nghĩa “*khai hóa*”, “*Bảo hộ*” mà chúng đã rêu rao, dưới lá cờ “*Tự do, bình đẳng, bác ái*”, chỉ thẳng “*hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa*”. Một hệ thống luận cứ chặt chẽ, toàn diện, tiêu biểu và đầy ấn tượng tung ra dưới bút lực dồi dào, sắc sảo của Bác. Mọi phương diện đời sống xã hội Việt Nam đều in dấu tội ác của thực dân Pháp: về chính trị, chúng cướp nước ta, thủ tiêu quyền tự do dân chủ, chia cắt cơ thể thống nhất đất nước thành ba chế độ, ngăn cản khối đoàn kết dân tộc; về kinh tế, chúng “*Bóc lột dân ta đến xương tủy*”, kìm hãm nền kinh tế dân tộc trong vòng què quặt, lạc hậu; về quân sự, chúng đàn áp nhân dân ta dã man, không những không “*Bảo hộ*” nước ta mà còn “*bán nước ta hai lần cho Nhật*”. Từng câu, từng chữ bên cạnh những thuật ngữ chính trị còn ám ảnh, nhức nhối đến sâu thẳm tâm can người đọc bởi sức mạnh nghệ thuật văn chương. Những câu ngắn như dồn nén bao căm hận, ẩn đằng sau đó là sôi trào máu và nước mắt thấm đầu ngòi bút. Mỗi câu vang lên đanh thép, chất chứa hờn căm như những lời tuyên án, mở đầu là hàng loạt từ “*Chúng*” với những hành động tàn bạo “*Thẳng tay chém giết*”, “*tắm các cuộc khởi nghĩa của chúng ta bằng những bể máu*”, “*ràng buộc dư luận*”, “*bóc lột dân ta đến xương tủy*”... và từ đó dội xuống như búa tạ đến “*nhân dân ta*”, “*nhà nước ta*”, “*nòi giống ta*”, “*dân tộc ta*”... Nỗi đau đã lặn vào trong tù và từ trái tim yêu thương, nhân đạo thiết tha, từ tấm lòng đau đớn vì bị chĩa những vết dao sắc của Bác bật lên những hình ảnh giàu sức gợi cảm, ngắn gọn, chính xác: “*Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu*”. Ta nghe trong lời của Bác âm vang tiếng nói cha ông – tiếng nói hờn căm tội ác “*trời không dung, đất không tha*” của kẻ thù khi chúng:

*“Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn  
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ”.*

(Cáo Bình Ngô – Nguyễn Trãi)

Với nét bút hiện thực sắc sảo, giàu giá trị thẩm mĩ, bản Tuyên ngôn rất hàm súc, đã vẽ lên bức tranh một thời kỳ lịch sử đau thương của dân tộc với những gam màu xám lạnh trên nền máu và nước mắt kéo dài “*từ Quảng Trị đến Bắc kì, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói*”. Những trang văn ấy lay động mạnh mẽ tâm hồn người đọc, là bằng chứng xác thực “*không thể chối cãi được*” tạo lí lẽ lật tẩy bộ mặt tàn bạo của thực dân Pháp, đi ngược lại truyền thống văn hóa của nước Pháp, của nhân loại. Đằng sau những trang văn day dứt ấy là tâm hồn nhân đạo cao cả của Hồ Chí Minh – “*Người đã đổi mọi cơn đói ngày xưa – Người đã chết hai triệu lần năm đói bốn lần khủng khiếp*” (Nhà thơ Cuba A.Rôđrighét). Cảm xúc quyện hòa với lí trí tạo nên sức mạnh chiến đấu sắc sảo của văn phong chính luận Hồ Chí Minh.

Để khẳng định trước công luận quốc tế nền độc lập tự do của dân tộc Việt Nam. “*Tuyên ngôn Độc lập*” rất độc đáo và chặt chẽ khi tạo nên thế đối lập giữa thực dân Pháp và dân tộc ta. Nếu như khi Nhật đến, Pháp bóc lột rõ bản chất đê hèn “*Qui gối đầu hàng, mở cửa nước rước Nhật*”. Khi Nhật đảo chính, thực dân Pháp bỏ chạy, hoặc đầu hàng, thì nhân dân ta anh dũng vùng lên quật khởi. Âm hưởng ngợi ca trào lên với điệp khúc “*sự thật*” lay

đi lấy lại như tô đậm, khắc tạo hình ảnh dân tộc bất khuất, anh hùng. Không những thế, nhân dân ta còn nhân đạo ngay cả đối với kẻ thù.

Đập lại lập luận của thực dân Pháp, Đông Dương là thuộc địa của thực dân Pháp và chúng có quyền trở lại Đông Dương là những khẳng định danh thếp – khẳng định bằng chân lí của sự thật: “*Sự thật là từ mùa Thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa... Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp*”. Rõ ràng luận điệu xảo trá của thực dân Pháp đã bị đập tan bằng lí lẽ, bằng chứng xác đáng, đầy thuyết phục.

Từ sự đấu tranh kiên cường của dân tộc tất yếu gặt hái được những kết quả chân chính: “*Nước Việt Nam có quyền được hưởng tự do và độc lập và sự thật đã thành một nước tự do độc lập*”. Bản tuyên ngôn thất bại các nước Đồng minh khi khẳng định Việt Nam đã “*gan góc đứng về phe Đồng minh chống Phát xít mấy năm nay*” (Trong khi thực dân Pháp đầu hàng Phát xít Nhật) một lần nữa lại chặn được âm mưu của các nước đế quốc. Những câu văn khẳng định: “*chúng tôi tin rằng...*” hoặc phủ định của phủ định “*quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân tộc Việt Nam*”. Những câu văn với những kết cấu song song: “*một dân tộc đã gan góc đứng về phe đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!*” tạo nên những điệp khúc âm vang, vừa hào hùng, vừa danh thếp. Bản tuyên ngôn kết thúc với câu móc xích trùng điệp: “*nước Việt Nam có quyền được hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập – toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy*”, câu nói như chạm khắc ý chí sắt đá giữ vững nền độc lập của dân tộc ta trên trang sử vàng của dân tộc. Tác phẩm kết lại cũng chính là mở đầu một thời kỳ mới đấu tranh giữ vững chủ quyền đất nước.

“*Tuyên ngôn độc lập*” của Hồ Chí Minh xứng đáng là áng văn mẫu mực của dân tộc Việt Nam trong thời đại mới. Với hệ thống lập luận chặt chẽ, đi từ ràng buộc này đến thất bại khác, với hệ thống luận cứ toàn diện, kết cấu trùng điệp, văn phong sắc sảo, bản tuyên ngôn hướng tới nhiều đối tượng với nhiều giọng điệu khác nhau: tha thiết, sâu lắng yêu thương với quốc dân, đồng bào; Danh thếp, răn rỏi cảnh tỉnh, bác bỏ lí lẽ bọn đế quốc, thực dân phản động; Trang trọng tự tin tuyên bố độc lập trước công luận quốc tế... Tác phẩm thuyết phục người đọc bởi hệ thống lập luận khoa học, xác đáng, hơn nữa còn đi vào lòng người bằng vẻ đẹp văn chương gợi cảm, giàu tính thẩm mỹ. Bản tuyên ngôn thừa kế truyền thống các áng tuyên ngôn độc lập của cha ông chúng ta, đồng thời thở vào đó hơi thở của thời đại mới giàu chất trí tuệ, sắc sảo, hấp dẫn.

Tạo nên áng văn chính luận mẫu mực ấy là tư tưởng, trí tuệ Hồ Chí Minh, một tâm văn hóa sánh ngang tinh hoa nhân loại. Với cái nhìn sáng suốt, tinh táo, thấu suốt bản chất của kẻ thù, Bác đã vận dụng linh hoạt, khéo léo thể văn chính luận để lật tẩy bộ mặt kẻ thù, đập tan luận điệu giả dối của chúng. Với cái nhìn yêu thương, chủ nghĩa nhân đạo trí tuệ của người cộng sản, những trang văn của Bác thấm nhuần tư tưởng yêu nước, nhân ái của dân tộc, ca ngợi, tự hào sức mạnh quật cường của dân tộc và sâu sắc hơn, khơi dậy ngọn lửa đấu tranh vì quyền lợi chính đáng của nhân loại, của dân tộc trên thế giới. Tâm văn hóa lớn, những trải nghiệm bản thân đã giúp Bác đúc kết nên chân lý của dân tộc, lịch sử và thời đại “*Không có gì quý hơn độc lập tự do*”. Tư tưởng Hồ Chí Minh còn sống mãi, như ngọn đuốc soi đường cho con người tiến lên xã hội văn minh, tiến bộ.

Với tâm tư tưởng, tâm văn hóa ấy, “*Tuyên ngôn độc lập*” không có dung lượng đồ sộ như những tác phẩm lớn trên thế giới mà ngược lại, tác phẩm rất “*ngắn gọn, trong sáng, khúc chiết*”. Ngắn gọn trong số lượng câu, chữ của tác phẩm, có thể đếm được. Trong sáng giản dị với những từ thuần Việt vừa chính xác, vừa hình tượng, câu văn hàm súc, cô đọng mà gợi mở nhiều lớp nghĩa, nhiều số. Ví dụ mỗi câu trong bản Tuyên ngôn: “*Pháp thua, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị*”, câu văn chỉ có bảy tiếng mà đã đi gần 100 năm lịch sử, khái quát những sự kiện trọng yếu của dân tộc. Sự thật lịch sử gọi lên trước mắt người đọc với không khí sử thi hoành tráng, không khí vùng lên quật khởi của dân tộc và tư thế của kẻ thù, tay sai bán nước. Những câu văn ngắn gọn nhưng lại hàm chứa năng lượng thẩm mỹ lớn khi miêu tả tội ác đẫm máu của kẻ thù, rung động lòng người sâu sắc. Âm vang của những câu văn còn dư ba mãi. Và đúng như câu nói “*Cái đẹp nằm ngay trong sự giản dị*”, “*Tuyên ngôn độc lập*” súc tích, nhưng dồn nén bao giá trị tư tưởng, nghệ thuật cũng như ý nghĩa lịch sử to lớn của dân tộc ta trong mùa Thu lịch sử.

Trước “*Tuyên ngôn độc lập*” của Hồ Chí Minh, ta đã có bài thơ: “*Thần*” của Lý Thường Kiệt, “*Cáo Bình Ngô*” của Nguyễn Trãi, những áng tuyên ngôn ấy khắc chữ vàng trên bia đá lịch sử muôn đời những mốc sơn rục rờ của dân tộc Việt Nam qua nhiều thế kỷ đấu tranh vì “*Độc lập, tự do, vì nhân quyền và dân quyền của dân tộc và của nhân loại*”. Có thể nói “*Tuyên ngôn độc lập*” là kết tinh truyền thống yêu nước của dân tộc và tinh thần của thời đại mà lắng lòng mình trong đó, ta có thể nghe thấy “*Lời non nước – tiếng ngày xưa và cả tiếng mai sau*” (Tố Hữu). Tác phẩm tiêu biểu cho văn phong chính luận sắc sảo, giàu tính chiến đấu, đồng thời thể hiện phong cách nghệ thuật Hồ Chí Minh ngắn gọn, giản dị mà hàm súc, sâu sắc; kết hợp dân tộc và thời đại, thấu tình đạt lý... Người đọc không chỉ thấy được một cây bút nghệ thuật tài năng, trí tuệ mà còn bắt gặp, yêu thương tâm hồn nhân đạo cao cả của Hồ Chí Minh.

Lịch sử đã lùi xa, nhưng mỗi lần đọc lại bản “*Tuyên ngôn độc lập*” của Bác, ta lại thấy thể hiện lên buổi sáng Ba Đình lịch sử với cờ hoa, nắng vàng rực rỡ, với bầu trời thu xanh lồng lộng và hình ảnh người cha già kính yêu. Bác đứng đó, với mái đầu bạc gần gũi, với giọng nói trầm ấm mà âm vang cả sông núi, đất trời, và chỉ một câu hỏi “*Tôi nói, đồng bào nghe rõ không?*” tâm hồn ta đã rung lên hòa điệu trong điệu hồn muôn người, điệu hồn dân tộc. “*Tuyên ngôn Độc lập*” là văn kiện lịch sử có giá trị muôn đời, không chỉ đối với sự nghiệp cách mạng dân tộc mà còn đóng góp cho tinh hoa nhân loại trí tuệ, tâm hồn Hồ Chí Minh. Tác phẩm mãi mãi được gìn giữ trân trọng bởi giá trị nghệ thuật và tư tưởng sáng đẹp của Người.

*Đề 9: Đoạn mở đầu bản Tuyên ngôn Độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh được viết rất cao tay: vừa khéo léo vừa kiên quyết lại hàm chứa nhiều ý nghĩa sâu sắc. Hãy phân tích để làm sáng tỏ điều đó.*

**\* Dàn bài chi tiết**

**I. MỞ BÀI** Tuyên ngôn Độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh được xem như là mẫu mực của loại văn nghị luận. Điều đó thể hiện rõ trong đoạn mở đầu được viết rất cao tay: vừa khéo léo vừa kiên quyết lại hàm chứa nhiều ý nghĩa sâu sắc.

**II. THÂN BÀI**

1/ Nhiệm vụ của phần mở đầu một bản Tuyên ngôn là nêu nguyên lí làm cơ sở tư tưởng cho toàn bài. Nguyên lí của Tuyên ngôn độc lập là khẳng định quyền tự do độc lập của dân tộc. Nhưng ở đây Bác không nêu trực tiếp nguyên lí ấy mà lại dựa vào hai bản Tuyên ngôn Độc lập của Mĩ năm 1776 và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp năm 1791 để khẳng định “*Quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do*” của tất cả các dân tộc trên thế giới. Đây chính là nghệ thuật “*Lấy gậy ông đập lưng ông*”.

2/ Bác đã khẳng định quyền độc lập, tự do của dân tộc ta bằng chính những lời lẽ của tổ tiên người Mĩ, người Pháp đã ghi lại trong hai bản Tuyên ngôn từng làm vẻ vang cho truyền thống tư tưởng và văn hóa của những dân tộc ấy. Cách viết như thế là vừa khéo léo vừa kiên quyết:

- Khéo léo vì tỏ ra rất trân trọng những danh ngôn bất hủ của người Pháp, người Mĩ để “khóa miệng” bọn đế quốc Pháp, Mĩ đang âm mưu xâm lược và can thiệp vào nước ta (sự thật lịch sử đã chứng tỏ điều này).

- Kiên quyết vì nhắc nhở họ đừng có phản bội tổ tiên mình, đừng có làm dấy bùng lên lá cờ nhân đạo của những cuộc cách mạng vĩ đại của nước Pháp, nước Mĩ, nếu nhất định tiến quân xâm lược Việt Nam.

3/ Đoạn mở đầu bản Tuyên ngôn Độc lập của Việt Nam mà nhắc đến hai bản Tuyên ngôn nổi tiếng trong lịch sử của nhân loại của hai nước lớn như thế, thì cũng có nghĩa là đặt ba cuộc cách mạng ngang hàng nhau, ba nền độc lập ngang hàng nhau, ba bản Tuyên ngôn ngang hàng nhau (và thực sự, cuộc cách mạng tháng Tám 1945 đã giải quyết đúng nhiệm vụ của hai cuộc cách mạng của Mĩ (1776) và của Pháp (1791).

- Sau khi nhắc đến những lời bất hủ trong bản Tuyên ngôn Độc lập của Mĩ, Bác viết: “*Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do*”. Ý kiến “*Suy rộng ra*” ấy quả là một đóng góp đầy ý nghĩa của Bác đối với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, nó như phát súng lệnh khởi đầu cho bão táp cách mạng ở các thuộc địa sẽ làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân trên khắp thế giới vào nửa sau thế kỉ XX (lịch sử đã chứng tỏ điều này).

**III. KẾT BÀI** Đoạn mở đầu Tuyên ngôn Độc lập của Bác chứa đựng một tư tưởng lớn với nhiều ý nghĩa sâu sắc, lại được viết bằng một nghệ thuật cao tay, mang sức thuyết phục mạnh mẽ. Đó là một đoạn mở đầu mẫu mực trong một bản Tuyên ngôn bất hủ.

Đề 4: *Phân tích phần tuyên ngôn trong bản Tuyên ngôn Độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh (từ “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị” cho đến hết), nêu rõ:*

1. Ý nghĩa sâu sắc của “phần tuyên ngôn”.
2. Lập luận chặt chẽ, giọng văn hùng biện đầy sức thuyết phục.

**\* Dàn bài chi tiết**

1. Ý nghĩa sâu sắc của “Phần tuyên ngôn” trong bản “Tuyên ngôn Độc lập”:

a/ Ý nghĩa lịch sử của Tuyên ngôn Độc lập rất sâu sắc và tiến bộ:

- Đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để xây dựng nên nước Việt Nam độc lập.

- Đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hoà.

Như vậy là, cùng một lúc, Cách mạng tháng Tám 1945 đã giải quyết cả hai nhiệm vụ: độc lập cho dân tộc và dân chủ cho nhân dân để đưa nước Việt Nam sang một kỷ nguyên

mới – kỷ nguyên của độc lập tự do và Chủ nghĩa xã hội (Bình Ngô đại cáo xưa kia, do lịch sử, chỉ mới giải quyết độc lập dân tộc).

b. Nội dung tuyên ngôn: đầy đủ, toàn diện, chặt chẽ, dứt khoát:

- Tuyên bố thoát li và xóa bỏ mọi điều với Pháp (về quan hệ, hiệp ước, đặc quyền).

- Tuyên bố với thế giới về độc lập và tự do của nước Việt Nam và dân tộc Việt Nam trên cả ba phương diện:

\* Có quyền hưởng tự do và độc lập.

\* Sự thật đã thành một nước tự do và độc lập.

\* Quyết giữ vững quyền tự do và độc lập ấy.

2/ Lập luận chặt chẽ, giọng văn hùng biện đầy sức thuyết phục:

a. Lập luận chặt chẽ:

- Lời tổng kết tình hình trong một câu ngắn gọn, hàm súc: *“Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị”*.

- Nêu ý nghĩa lịch sử của bản Tuyên ngôn Độc lập bằng hai câu gọn rõ:

- Tuyên bố với Pháp: *“thoát li hẳn quan hệ với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam (về chủ không phải với), xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất Việt Nam (chữ dùng chính xác và dứt khoát)”*.

- Tranh thủ các nước đồng minh (*“Tin rằng”... quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân tộc Việt Nam*).

- Khẳng định quyền tự do độc lập của dân tộc Việt Nam một cách mạnh mẽ bằng những điệp ngữ được lấy đi lấy lại (*“một dân tộc đã gan góc...! Dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập”*).

Những điều trên đây là tiền đề về lý luận đồng thời cũng là để tạo không khí đưa bài văn đến cao trào, đến lời tuyên bố cuối cùng, lời tuyên bố trịnh trọng với thế giới về ba phương diện của một nước Việt Nam tự do và độc lập.

b. Giọng văn hùng biện: ở phần lập luận trên cũng đã cho ta thấy rõ giọng văn hùng biện qua cách dùng từ, qua điệp ngữ, qua lời văn trang trọng và giọng văn đanh thép, dứt khoát, khẳng định.

Tất cả đã làm nên sức thuyết phục mạnh mẽ của *“Phần tuyên ngôn”* trong bản tuyên ngôn Độc lập lịch sử này. Đó là do tài nghệ của tác giả.